

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2019



---

Hà Nội, tháng 04 năm 2019

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/07/2018)

**Ban Điều hành**

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Điều hành đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành.



**Vũ Cẩm La Hương**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>788.532.954.484</b>	<b>914.488.994.609</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>479.116.207.042</b>	<b>368.791.442.103</b>
1. Tiền	111		401.116.207.042	325.791.442.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.000.000.000	43.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>290.813.224.579</b>	<b>474.629.948.772</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		88.443.045.177	88.087.045.761
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		132.856.313.854	259.731.112.614
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.100.000.000	28.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		66.413.865.548	98.711.790.397
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.401.482.924</b>	<b>6.142.959.780</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.401.482.924	6.142.959.780
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.202.039.939</b>	<b>64.924.643.954</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.483.008.628	63.574.125.613
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		718.031.311	1.350.518.341
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.000.000	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.470.794.773.518</b>	<b>1.549.608.117.162</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>42.307.430.329</b>	<b>61.409.022.781</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	45.615.044.299
2. Phải thu dài hạn khác	216		42.307.430.329	15.793.978.482
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>347.658.261.575</b>	<b>355.754.726.382</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		151.001.879.261	144.103.046.194
- Nguyên giá	222		201.776.739.815	203.344.296.947
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.774.860.554)	(59.241.250.753)
2. Tài sản cố định vô hình	227		196.656.382.314	211.651.680.188
- Nguyên giá	228		215.500.502.505	233.053.483.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.844.120.191)	(21.401.803.150)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>158.004.201.096</b>	<b>214.585.954.045</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		158.004.201.096	214.585.954.045
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>297.764.426.336</b>	<b>294.434.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		282.180.426.336	278.850.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(125.100.000)	(125.100.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.110.000.000	15.110.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>625.060.454.182</b>	<b>623.424.413.954</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		141.243.694.793	153.967.658.676
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		363.287.671	363.287.671
3. Lợi thế thương mại	269		483.453.471.718	469.093.467.607
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.259.327.728.002</b>	<b>2.464.097.111.771</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.023.733.666.692</b>	<b>1.224.463.893.296</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>748.960.043.796</b>	<b>907.103.231.757</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	34.787.245.489	20.940.621.480
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	118.568.254.669	208.058.928.095
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	39.115.746.620	42.386.499.612
4. Phải trả người lao động	314	48.486.649.879	53.272.346.140
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	43.751.479.058	104.582.695.956
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	264.826.370.455	251.500.213.582
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.599.249.928	14.646.198.847
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	193.825.047.698	211.715.728.045
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>274.773.622.896</b>	<b>317.360.661.539</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23.547.209.691	26.686.752.402
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	249.199.314.543	290.673.909.137
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	2.027.098.662	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.235.594.061.310</b>	<b>1.239.633.218.475</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1.235.594.061.310</b>	<b>1.239.633.218.475</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	688.800.000.000	688.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	688.800.000.000	688.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	90.074.070.000	90.074.070.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	160.746.889.661	164.209.034.375
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	102.257.420.062	160.746.889.661
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	58.489.469.599	3.462.144.714
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	295.973.101.649	296.550.114.100
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>2.259.327.728.002</b>	<b>2.464.097.111.771</b>



**Vũ Cẩm La Hương**  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

**Nguyễn Mạnh Phú**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hải**  
 Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QI/2019	QI/2018
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		286.026.679.696	207.195.438.592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		286.026.679.696	207.195.438.592
4. Giá vốn hàng bán	11		171.187.784.064	119.437.107.921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		114.838.895.632	87.758.330.671
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		436.371.827	3.392.736.221
7. Chi phí tài chính	22		7.805.475.870	5.006.043.112
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.805.475.870	
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24			-
9. Chi phí bán hàng	25		60.496.913.124	49.173.783.828
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		34.932.820.704	30.557.818.901
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		12.040.057.761	6.413.421.051
12. Thu nhập khác	31		2.342.366.673	5.719.313.776
13. Chi phí khác	32		3.279.808.358	2.783.568.741
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(937.441.685)	2.935.745.035
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.102.616.076	9.349.166.086
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.654.912.583	5.162.335.079
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.447.703.493	4.186.831.007
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		3.462.144.714	2.048.904.633
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.985.558.779	2.137.926.374



Vũ Cẩm La Hương  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Mạnh Phú  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
 Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	QI/2019	QI/2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.102.616.076	9.349.166.086
2. Điều chỉnh cho các khoản		37.673.669.219	
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	29.868.193.349	24.612.074.112
- Các khoản dự phòng	03		(6.255.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.392.736.221)
- Chi phí lãi vay	06	7.805.475.870	5.010.298.112
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.776.285.295	35.572.547.089
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(252.004.880.432)	18.663.336.734
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.741.476.856)	(349.082.306)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	141.364.951.663	(32.791.727.557)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.360.700.695
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.734.523.685)	(5.010.298.112)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.200.000.000)	(2.451.934.334)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	52.661.536.161	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(39.309.641.112)	(936.287.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(66.187.748.966)	19.057.254.627
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(75.702.290.914)	(10.214.301.616)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.392.736.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(75.702.290.914)	(6.821.565.395)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền thu từ đi vay	33	136.488.088.662	82.442.492.623
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(104.922.813.721)	(39.972.080.558)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	31.565.274.941	42.470.412.065
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(110.324.764.939)	54.706.101.297
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	479.116.207.042	270.700.519.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	368.791.442.103	325.406.620.640



**Nguyễn Văn La Hương**  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

*(Signature)*

**Nguyễn Mạnh Phú**  
 Kế toán trưởng

*(Signature)*

**Nguyễn Thị Hải**  
 Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty là 688.800.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Công ty con do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:*

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Tp. Hà Nội	53,83%	53,83%	Giáo dục mầm non
3	Công ty TNHH Apax Franklin Academy	Tp. Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

*Danh sách các công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax sở hữu (dưới đây gọi là công ty liên kết gián tiếp):*

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax</b>					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
3	Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	Tp. Hà Nội	13,78%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu

**2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 đầu quý và kết thúc vào ngày 31 cuối quý hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2019.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty mẹ - công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ toàn bộ.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần bốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.
- c) Công ty ước tính giá trị hợp lý trong xác định giá trị của các khoản đầu tư trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con, được xác định trên cơ sở giá giao dịch gần nhất được xác định bởi tổ chức định giá và giá cổ phiếu phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là đất sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao hàng kỳ.

***Tài sản cố định vô hình khác***

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi

tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phục vụ đầu tư vào các Dự án Apax Leaders và Dự án Leader in me được phân bổ như sau: Việc tập hợp chi phí của dự án Apax Leader được thực hiện theo các trung tâm hình thành trong tương lai, bắt đầu thực hiện phân bổ vào chi phí trong kỳ khi các trung tâm ở trạng thái sẵn sàng sử dụng; Dự án Leader in me bắt đầu thực hiện phân bổ vào chi phí trong kỳ khi chính thức đưa vào giảng dạy tại các trung tâm.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí ghi danh học sinh, chi phí chương trình truyền hình, chi phí khởi nghiệp ban đầu, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trước hoạt động dự án Apax Leader là các khoản chi phí của 8 trung tâm đi vào hoạt động trong năm 2018, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thi công nội thất của các trung tâm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 3 năm.

Chi phí ghi danh học sinh thể hiện số tiền bản quyền dạy học hàng năm trả cho nhà cung cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 tháng.

Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là tiền thu học phí của học sinh đã trả trước cho cả khoá học nhưng học sinh chưa hoàn thành khoá học, các khoá học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 71,14% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	161.315.727.297	165.003.474.476
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	165.897.749.745	84.819.901.771
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán	68.000.000.000	68.050.064.606
Tiền đang chuyển	5.902.730.000	7.918.001.250
Các khoản tương đương tiền	78.000.000.000	43.000.000.000
	<b>479.116.207.042</b>	<b>368.791.442.103</b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>88.443.045.177</b>	<b>88.087.045.761</b>
Nguyễn Ngọc Thùy (i)	40.614.829.345	40.615.382.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Kim Cương	7.620.000.000	7.620.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Apax Franklin Academy		1.746.969.527
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup		78.000.000
Công ty TNHH Chungdahm Hà Nội		660.460.000
Các đối tượng khác	36.208.215.832	33.366.233.334
<b>b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên</b>	<b>40.692.829.345</b>	<b>40.693.382.900</b>
Nguyễn Ngọc Thùy	40.614.829.345	40.615.382.900
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	78.000.000	78.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đợc đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>132.856.313.854</b>	<b>259.731.112.614</b>
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT (i)	26.672.569.828	32.672.569.828
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN (ii)	43.959.208.281	43.943.732.381
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba (iii)	28.897.591.508	31.550.313.273
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Hồng Phát	10.801.592.710	10.801.592.710
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	7.260.917.725	9.760.917.725
Công ty cp Tư vấn Thiết kế Hạ tầng cơ sở		101.018.289.103
Các đối tượng khác	15.264.433.802	29.035.808.498
Lê Thị Kim Mai		420.000.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục Eschool		160.470.200
Công ty cổ phần công nghệ thiết bị Phương Nam		144.227.896
Công ty CP ĐT và Giải pháp công nghệ số		118.800.000
Công ty PCCC Đình Hương		104.391.000
<b>b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên</b>	<b>800.000.000</b>	<b>-</b>
CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup	800.000.000	-

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>13.483.008.628</b>	<b>63.574.125.613</b>
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	10.089.699.236	63.574.125.613
Chi phí bảo hiểm	66.876.590	-
Chi phí công cụ dụng cụ	325.031.940	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.001.400.862	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>141.243.694.793</b>	<b>153.967.658.676</b>
Chi phí phát triển dự án		124.548.542.966
Chi phí trước hoạt động các trung tâm dự án Apax Leader (i)	84.601.803.244	-
Chi phí mua bản quyền phần mềm	379.383.566	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	14.127.872.609	-
Chi phí đầu tư khởi nghiệp	7.706.708.052	-
Chi phí công cụ dụng cụ	9.007.224.981	87.057.200
Chi phí thi công nội thất	8.048.499.310	-
Chi phí lắp đặt trang thiết bị các Trung tâm tiếng anh (ii)	711.501.810	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	16.660.701.221	29.332.058.510

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>158.004.201.096</b>	<b>214.585.954.045</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,

Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
- Đầu tư vào công ty liên kết	278.850.000.000	282.180.426.336	278.850.000.000	278.850.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	100.000.000.000	100.239.641.325	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	98.000.000.000	100.913.967.654	98.000.000.000	98.000.000.000
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	78.890.000.000	79.066.817.357	78.890.000.000	78.890.000.000
Công ty Cổ phần Study net	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>599.100.000</b>	<b>474.000.000</b>	<b>599.100.000</b>	<b>474.000.000</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>				
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	125.100.000	-	125.100.000	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>				
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	360.000.000	360.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	114.000.000	114.000.000	114.000.000
<b>b) Đầu tư vào trái phiếu</b>	<b>15.110.000.000</b>	<b>15.110.000.000</b>	<b>15.110.000.000</b>	<b>15.110.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	15.110.000.000	15.110.000.000	15.110.000.000	15.110.000.000
<b>Cộng</b>	<b>294.559.100.000</b>	<b>297.764.426.336</b>	<b>294.559.100.000</b>	<b>294.434.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 như sau:

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax</b>					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	Tp. Hà Nội	13,78%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

**10. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

	Q1/2019 VND
Tại ngày đầu năm	483.453.471.718
Tăng trong năm	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(14.360.004.111)
Tại ngày cuối kỳ	469.093.467.607

Lợi thể thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Các khoản phải trả người</i>	<i>34.787.245.489</i>	<i>34.787.245.489</i>	<i>20.940.621.480</i>	<i>20.940.621.480</i>
Chungdahm Learning, Inc	-	-	7.827.600.000	7.827.600.000
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	607.262.896	607.262.896	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bộ Ba	2.147.278.235	2.147.278.235	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Hồng Phát	-	-	1.490.060.626	1.490.060.626
Các đối tượng khác	32.032.704.358	32.032.704.358	11.622.960.854	11.622.960.854
<i>b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>607.262.896</i>	<i>607.262.896</i>	<i>7.827.600.000</i>	<i>7.827.600.000</i>
Chungdahm Learning Inc - Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	-	-	7.827.600.000	7.827.600.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup - Cổ đông lớn	607.262.896	607.262.896	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,

Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>688.800.000.000</b>	-	<b>102.257.420.062</b>	<b>295.973.101.649</b>	<b>1.087.030.521.711</b>
Tăng vốn góp trong năm	90.074.070.000	-	-	-	90.074.070.000
Lãi trong kỳ	-	-	58.489.469.599	-	58.489.469.599
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>688.800.000.000</b>	<b>90.074.070.000</b>	<b>160.746.889.661</b>	<b>295.973.101.649</b>	<b>1.235.594.061.310</b>
Lãi trong kỳ	-	-	3.462.144.714	577.012.451	4.039.157.165
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>688.800.000.000</b>	<b>90.074.070.000</b>	<b>164.209.034.375</b>	<b>296.550.114.100</b>	<b>1.239.633.218.475</b>

Ghi chú: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105824156 thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 688.800.000.000 VND trên cơ sở kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoàn thành ngày 04/8/2017.

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/04/2018/NQ-ĐHĐCD ngày 06/04/2018 tại Công ty con – Công ty cổ phần Anh ngữ Apax đã thông qua việc chào bán 27.396.000 cổ phần, giá bán 10.000 đồng/cổ phần, vốn điều lệ sau chào bán là 611.960.000.000 đồng, cổ đông hiện hữu được mua thêm số cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu trước chào bán.

Vốn điều lệ thu được từ đợt chào bán sẽ được tài trợ cho kế hoạch mở rộng mạng lưới trung tâm mới và dự án Leader in me.

(ii) Ghi giảm do điều chỉnh chi phí thuế của các kỳ trước tại Công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo Kết luận thanh tra thuế số 3641/KL-CT-TTr1 ngày 23/01/2018 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	490.000.000.000	490.000.000.000
Các đối tượng khác	198.800.000.000	198.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>688.800.000.000</b>	<b>688.800.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	QI/2019	QI/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	688.800.000.000	688.800.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	688.800.000.000	688.800.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	688.800.000.000	688.800.000.000

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.880.000	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	68.880.000	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	68.880.000	68.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	QI/2019	QI/2018
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.026.679.696	207.195.438.592
- Doanh thu bán hàng hóa		-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	286.026.679.696	207.195.438.592

**14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	QI/2019	QI/2018
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	171.187.784.064	119.437.107.921
<b>Cộng</b>	<b>171.187.784.064</b>	<b>119.437.107.921</b>

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	QI/2019	QI/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	436.371.827	3.392.736.221

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	QI/2019	QI/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.805.475.870	5.010.298.112
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	2.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(6.255.000)
	<b>7.805.475.870</b>	<b>5.006.043.112</b>

**17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	QI/2019	QI/2018
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	49.574.118.961	37.610.674.443
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	1.711.143
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	1.118.484.338
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.442.010.437	218.274.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.071.256.035	7.150.981.469
Chi phí khác bằng tiền	3.409.527.691	3.073.658.318
	<b>60.496.913.124</b>	<b>49.173.783.828</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	14.550.410.155	8.800.750.228
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.426.925	247.936.643
Chi phí khấu hao TSCĐ	594.373.277	234.020.578
Thuế, phí và lệ phí	628.719.093	84.936.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.640.234.802	5.932.561.054
Lợi thế thương mại phân bổ	14.360.004.111	14.360.004.111
Chi phí bằng tiền khác	18.652.341	897.609.683
	<b>34.932.820.704</b>	<b>30.557.818.901</b>

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và trong lãnh thổ Việt Nam. Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không phát sinh doanh thu ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý.

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Hoạt động vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng. Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục chiếm 91%, doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng chiếm tỷ trọng nhỏ hơn 10% tổng doanh thu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

***Rủi ro thanh khoản***

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**20. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup  
Chungdahm Learning, Inc  
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool  
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ  
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech  
Công ty Cổ phần Studynet  
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy  
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland  
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy

**Mối quan hệ**

Chủ sở hữu  
Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax  
Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup  
Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup  
Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup  
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax  
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax  
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax  
Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax

**Bên liên quan**

Ông Nguyễn Ngọc Thùy  
Ông Nguyễn Mạnh Phú  
Ông Nguyễn Ngọc Khánh  
Bà Vũ Cẩm La Hương  
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh  
Ông Quách Mạnh Hào  
Ông Nguyễn Minh Chính  
Ông Sang Ho Jung

**Mối quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Kế toán trưởng  
Thành viên Hội đồng Quản trị  
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc  
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị  
Thành viên Hội đồng Quản trị  
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị  
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/07/2018)



**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, và Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ gián tiếp được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập quý 1 năm 2018.



**Vũ Cẩm La Hương**  
Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019*

**Nguyễn Mạnh Phú**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hải**  
Người lập